

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 85/2024/HN-ST

Ngày: 27/3/2024

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghiệm

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thanh An** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1988.

HKTT: ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp Thạnh Lợi, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Trương Văn T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị S có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị S trình bày:

Chị và anh Trương Văn T do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Bình Tân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2006. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, bất đồng quan điểm sống, anh chị nhiều lần tự giải quyết nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay, chị nhận thấy mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị đồng ý giao hai con chung tên Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 07/02/2006 và Trương Thị Mộng T, sinh ngày 02/3/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S với anh Trương Văn T. Giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Trương Thị Mộng T, sinh ngày 02/03/2008 và Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 07/02/2006 cho anh T. Chị S cấp dưỡng cho cháu Thu số tiền 1.000.000đồng/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi lao động được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị S, anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 24/4/2006 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thương.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn chị S trình bày là có xảy ra bởi lẽ chị S cho rằng, chị và anh T cưới nhau từ năm 2006 chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, cuộc sống khó khăn nên vợ chồng xảy ra cự cãi, anh T không chăm lo gia đình, bất đồng quan điểm sống nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Thời gian anh chị ly thân đã lâu từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân chị S, anh Thương

không có biện pháp hàn gắn tình cảm, vì vậy khả năng vợ chồng đoàn tụ không thể xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, Tòa án nhiều lần mời anh T đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh T không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Sang là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 07/02/2006 đã trưởng thành và Trương Thị Mộng T, sinh ngày 02/3/2008 hiện đang sống chung với anh T. Chị S đồng ý giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp bởi cháu T đã sống với anh T ổn định về tâm lý, chỗ ở và phù hợp với nguyện vọng của cháu là mong muốn được sống với anh T. Do đó, cần giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị Sang tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Mộng T mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của chị S được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Trương Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Mộng T, sinh ngày 02/3/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Sang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mộng T mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu 18 tuổi. Cháu Trương Thị Mỹ L, sinh ngày 07/02/2006 đã trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung

không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0009140 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị Sang còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Nông sở;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình